

Phụ lục 01:

KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021 CỦA HUYỆN BẮC ÁI

(Kèm theo Quyết định số 436/QĐ-UBND, ngày 24 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu	Mã	Tổng diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính								
				Xã Phước Bình	Xã Phước Tiến	Xã Phước Chính	Xã Phước Hòa	Xã Phước Tân	Xã Phước Thắng	Xã Phước Thành	Xã Phước Đại	Xã Phước Trung
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(13)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
	TỔNG DTTN (1+2)		102.184,65	102.184,65	28.829,32	7.630,10	6.437,60	12.498,69	6.534,90	4.774,15	12.122,93	11.407,77
1	Đất nông nghiệp	NNP	95.263,96	95.263,96	28.438,36	7.101,29	6.025,33	11.369,93	5.446,72	4.514,91	11.277,15	10.266,59
1.1	Đất trồng lúa	LUA	1.169,03	1.169,03		140,42	198,25	42,40	163,56	145,15	55,78	154,31
	<i>Trong đó: đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	341,94	341,94		140,42	0,78		111,73			
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	9.573,80	9.573,80	444,91	1.072,70	821,35	219,81	674,69	1.086,93	1.221,05	646,04
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	5.721,20	5.721,20	1.091,70	471,02	397,91	108,98	198,99	312,29	2.001,26	121,75
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	45.961,09	45.961,09	7.121,10	3.589,96	4.127,09	7.998,99	3.195,03	1.307,97	4.531,79	8.534,83
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	19.578,17	19.578,17	19.578,17							
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX	12.879,92	12.879,92	202,41	1.757,37	474,62	2.999,65	1.191,94	1.514,65	3.466,86	701,41
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	5,14	5,14	0,07	0,14	1,32	0,10		0,72	0,41	2,38
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	375,61	375,61		69,68	4,79		22,51	147,20		105,87
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	6.820,37	6.820,37	370,23	517,21	409,67	1.112,37	1.074,07	238,46	844,01	1.138,46
2.1	Đất quốc phòng	CQP	229,26	229,26		47,11	55,55			12,33		1,72
2.2	Đất an ninh	CAN	534,85	534,85	0,20	9,28	0,20	0,20	521,98	0,20	0,98	1,61
2.3	Đất cụm công nghiệp	SKN	40,00	40,00		40,00						
2.6	Đất cho hoạt động khoáng sản	SKS	1,47	1,47								1,47
2.7	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	4.271,60	4.271,60	109,54	142,99	240,59	1.031,77	375,31	90,90	707,56	828,17
-	<i>Đất giao thông</i>	<i>DGT</i>	<i>548,00</i>	<i>548,00</i>	<i>26,73</i>	<i>63,52</i>	<i>49,44</i>	<i>50,92</i>	<i>42,69</i>	<i>46,85</i>	<i>66,61</i>	<i>78,19</i>
-	<i>Đất thủy lợi</i>	<i>DTL</i>	<i>3.097,73</i>	<i>3.097,73</i>	<i>22,42</i>	<i>37,56</i>	<i>157,05</i>	<i>885,10</i>	<i>287,84</i>	<i>34,94</i>	<i>575,66</i>	<i>710,32</i>
-	<i>Đất công trình năng lượng</i>	<i>DNL</i>	<i>527,71</i>	<i>527,71</i>	<i>53,48</i>		<i>31,08</i>	<i>91,21</i>	<i>41,37</i>	<i>0,02</i>	<i>59,97</i>	<i>20,62</i>
-	<i>Đất bưu chính viễn thông</i>	<i>DBV</i>	<i>0,87</i>	<i>0,87</i>	<i>0,02</i>		<i>0,03</i>	<i>0,06</i>		<i>0,16</i>	<i>0,04</i>	<i>0,53</i>
-	<i>Đất cơ sở văn hóa</i>	<i>DVH</i>	<i>4,91</i>	<i>4,91</i>	<i>0,27</i>	<i>0,09</i>	<i>0,07</i>	<i>0,07</i>	<i>0,18</i>		<i>0,81</i>	<i>2,65</i>

STT	Chỉ tiêu	Mã	Tổng diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính								
				Xã Phước Bình	Xã Phước Tiến	Xã Phước Chính	Xã Phước Hòa	Xã Phước Tân	Xã Phước Thắng	Xã Phước Thành	Xã Phước Đại	Xã Phước Trung
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(13)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
-	Đất cơ sở y tế	DYT	3,68	3,68	0,22	0,24	0,16	0,18	0,54	0,32	0,59	1,25
-	Đất cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	41,70	41,70	5,19	4,40	2,76	3,20	2,69	4,83	3,88	13,13
-	Đất cơ sở thể dục - thể thao	DTT	9,25	9,25	0,84	1,73		0,64		3,30		1,00
-	Đất cơ sở nghiên cứu khoa học	DKH	34,93	34,93		34,93						
-	Đất chợ	DCH	2,82	2,82	0,37	0,52		0,39		0,48		0,48
2.8	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	0,87	0,87		0,15						0,72
2.9	Đất ở tại nông thôn	ONT	458,95	458,95	34,59	77,50	41,39	20,16	57,63	66,15	45,28	75,12
2.10	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	13,48	13,48	0,79	0,80	0,26	0,51	0,82	0,36	1,48	6,99
2.12	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	36,98	36,98	1,35	1,59	6,50	6,96	1,74	10,10	0,64	6,92
2.13	Đất sản xuất VLXD, làm đồ gốm	SKX	201,55	201,55		23,25	13,00				8,88	85,07
2.14	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	5,34	5,34	0,48	0,92	0,16	0,76	0,58	0,95	0,47	0,82
2.15	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	3,30	3,30				0,14				3,16
2.16	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	871,22	871,22	219,17	137,05	48,08	37,82	111,37	51,56	54,51	95,09
2.17	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	35,41	35,41		3,21	2,90	1,21		1,22	1,54	4,48
2.18	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	2,53	2,53				0,05			0,33	0,03
3	Đất chưa sử dụng	CSD	100,32	100,32	20,73	11,60	2,60	16,39	14,11	20,78	1,77	2,72

Phụ lục 03:

KẾ HOẠCH CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT NĂM 2021 CỦA HUYỆN BẮC ÁI
(Kèm theo Quyết định số 436/QĐ-UBND, ngày 24 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Đơn vị tính: ha

TT	Chỉ tiêu	Mã	Tổng diện tích (ha)	Phân theo đơn vị hành chính								
				Xã Phước Bình	Xã Phước Tiến	Xã Phước Chính	Xã Phước Hòa	Xã Phước Tân	Xã Phước Thắng	Xã Phước Thành	Xã Phước Đại	Xã Phước Trung
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+.(13)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
	Tổng diện tích chuyển mục đích (1+2)		1.531,71	80,96	131	100,68	225,82	77,92	68,17	166,86	140,86	539,44
1	Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp	NNP/PNN	720,02	40,48	48,44	50,34	112,91	38,96	5,31	83,43	70,43	269,72
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	22,95			10,57				0,44	1,28	10,66
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	428,09	25,22	12,95	10,70	32,29	24,39	1,43	72,20	22,14	226,77
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	73,55	15,26	6,70	0,66	31,55	0,02		10,53	1,68	7,15
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH/PNN	96,39		1,94		46,66	11,08	3,70	0,26	32,75	
1.5	Đất rừng sản xuất	RSX/PNN	99,04		26,85	28,41	2,41	3,47	0,18		12,58	25,14
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp		91,67		34,12				57,55			
2.1	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp khác	RSX/NKH	91,67		34,12				57,55			

Phụ lục 04:

DANH MỤC CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN THỰC HIỆN TRONG NĂM 2021 CỦA HUYỆN BÁI ÁI

(Kèm theo Quyết định số 436/QĐ-UBND, ngày 24 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Đơn vị tính: ha

STT	Hạng mục	Diện tích Kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm			Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú	
				Diện tích	Trong đó				
					Đất lúa	Đất rừng PH			Đất khác
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
I	Công trình, dự án được phân bổ từ cấp tỉnh	2.146,35		1.946,35	10,63	78,26	1.857,46		
1.1	Công trình, dự án mục đích quốc phòng, an ninh	2,58		2,58			2,58		
1	Cơ sở 2 Trạm KSGT 1/27 *	0,78		0,78			0,78	xã Phước Thành	Cv 1229/CAT-PH10 của công an tỉnh Ninh Thuận ngày 07/10/2020
2	Trụ sở Công an các xã	1,80		1,80			1,80	Các xã	NQ 67/NQ-HĐND ngày 10/12/2020
1.2	Công trình, dự án để phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng	2.143,77		1.943,77	10,63	78,26	1.854,88		
1.2.1	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất	797,52		597,52	10,63	78,26	508,63		
a	Đất cụm công nghiệp	40,00		40,00			40,00		
3	Cụm Công nghiệp Phước Tiến *	40,00		40,00			40,00	xã Phước Tiến	Kêu gọi đầu tư
b	Đất giao thông	13,36		13,36		5,64	7,72		

STT	Hạng mục	Diện tích Kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm			Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú	
				Diện tích	Trong đó				
					Đất lúa	Đất rừng PH			Đất khác
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
4	Đường giao thông liên xã Phước Đại - Phước Tân	13,36		13,36		5,64	7,72	xã Phước Đại, Phước Tân, Phước Thắng, Phước Tiến	NQ số 91a/NQ-HĐND ngày 17/7/2019 của HĐND huyện Bác Ái
5	Xây dựng đường Giao thông đi khu sản xuất dọc bờ Sông Cái thôn Chà Panh, xã Phước Hòa	2,50		2,50			2,50	Phước Hòa	NQ 67/NQ-HĐND ngày 10/12/2020
6	Xây dựng đường Giao thông thôn Ha Lá Hạ (Hướng QL 27 B ra khu sản xuất)	0,50		0,50			0,50	Phước Thắng	NQ 67/NQ-HĐND ngày 10/12/2020
c	Đất thủy lợi	63,15		63,15	10,63		52,52		
7	Đập phụ 4 thuộc hệ thống thủy lợi Tân Mỹ	2,12		2,12			2,12	Xã Phước Tân	
8	Tiểu dự án Phát triển thủy lợi phục vụ nông nghiệp công nghệ cao Thành Sơn – Phước Nhơn	11,85		11,85	10,43		1,42	Xã Phước Trung	QĐ 1154/QĐ-UBND ngày 10/7/2018 của UBND tỉnh và QĐ số 2416 /QĐ-BNN- HTQT ngày 22/6/2018 của Bộ NN và PTNT
9	Kênh cấp I thuộc hệ thống thủy lợi Tân Mỹ	3,50		3,50			3,50	Xã Phước Trung	Văn bản số 3873/UBND-QHXD ngày 10/9/2018 của UBND tỉnh Ninh Thuận Thông báo số 5702/TB-NTN-VP ngày 27/7/2018 của Bộ NN & PTNT

STT	Hạng mục	Diện tích Kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm			Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú	
				Diện tích	Trong đó				
					Đất lúa	Đất rừng PH			Đất khác
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
10	Mở rộng hệ thống cấp nước Phước Đại	0,04		0,04			0,04	xã Phước Đại	quyết định 1722/QĐ-UBND ngày 18 tháng 10 năm 2018 của UBND tỉnh
11	Hệ thống thủy lợi làng thanh niên lập nghiệp (Bác Ái - Ninh Thuận) -Hạng mục công trình kênh chính, kênh nhánh và công trình phụ trợ	5,13		5,13			5,13	xã Phước Đại	QĐ 365/QĐ-TWDTN ngày 21/10/2013 của BCH Trung ương Đoàn về phê duyệt dự án đầu tư xây dựng làng Thanh niên lập nghiệp Phước Đại
12	Hệ thống kênh Tân Mỹ từ K21 + 827 đến Kênh chính *	11,70		11,70	0,20		11,50	Xã Phước Trung	QĐ số 1154/QĐ-UBND ngày 10/7/2018 của UBND tỉnh QĐ số 2416/QĐ-BNN-HTQT ngày 22/6/2018 của Bộ NN và PTNT
13	Hệ thống kênh khu tưới đầu mối hồ sông Cái, tỉnh Ninh Thuận *	28,70		28,70			28,70	xã Phước Hòa, xã Phước Tân	VB số 280/BQLDAĐTXD-DA1 v/v đăng ký nhu cầu SĐĐ dự án hệ thống kênh khu tưới đầu mối hồ Sông Cái, tỉnh Ninh Thuận

STT	Hạng mục	Diện tích Kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm			Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú	
				Diện tích	Trong đó				
					Đất lúa	Đất rừng PH			Đất khác
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
14	Đầu nối đường ống cấp nước Tân Mỹ đến hệ thống cấp nước Phước Trung, huyện Bác Ái*	0,07		0,07			0,07	Xã Phước Trung	QĐ số 551/QĐ-UBND ngày 21/4/2020 của CTUBND tỉnh về việc giao dự toán chi NSNN năm 2020 cho các đơn vị, địa phương từ nguồn kết dư ngân sách tỉnh năm 2018 để đầu tư các CT phục vụ chống hạn
15	Nâng cấp, mở rộng Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Phước Hòa *	0,04		0,04			0,04	xã Phước Hòa	NQ 04/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 19/3/2021 v/v phê duyệt chủ trương đầu tư dự án
d	Đất năng lượng	659,75		459,75		72,62	387,13		
16	Đường điện 22KV thủy điện tích năng Bác Ái	0,12		0,12			0,12	Xã Phước Tân	QĐ số 222/QĐ-UBND ngày 31/5/2019 của UBND tỉnh
17	Đường dây 110 Kv và 220Kv đầu nối các dự án năng lượng tái tạo	1,00		1,00			1,00	Xã Phước Trung	QĐ số 222/QĐ-UBND ngày 31/5/2019 của UBND tỉnh
18	Đường dây 110Kv TBA 220 Tháp Chàm - Ninh Phước	0,76		0,76			0,76	Xã Phước Trung	QĐ số 222/QĐ-UBND ngày 31/5/2019 của UBND tỉnh

STT	Hạng mục	Diện tích Kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm			Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú	
				Diện tích	Trong đó				
					Đất lúa	Đất rừng PH			Đất khác
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
19	Đường dây 500kv nhiệt điện Vân phong - Vĩnh Tân đi qua huyện Bắc Ái	23,30		23,30			23,30	Xã Phước Đại, Phước Chính, Phước Thành, Phước Trung	QĐ số 264/QĐ-UBQLV ngày 11/7/2019 của ủy ban quản lý vốn nhà nước về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án
20	Đường dây 500kv nhiệt điện Vân phong - Vĩnh Tân đi qua huyện Bắc Ái *	20,61		20,61		18,30	2,31	Xã Phước Đại, Phước Chính, Phước Thành, Phước Trung	QĐ số 264/QĐ-UBQLV ngày 11/7/2019 của ủy ban quản lý vốn nhà nước về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án
21	Cải tạo nâng cấp tiết diện đường dây 100kv Đa Nhim trạm 220 kV Tháp Chàm	0,10		0,10			0,10	xã Phước Trung	NQ 17/NQ-HDND tỉnh Ninh Thuận ngày 23/3/2020 của UBND tỉnh
22	Thủy điện tích năng và công trình phụ trợ (đường dây 22KV)	118,15		118,15		49,56	68,59	Xã Phước Hòa, Phước Tân	Nghị quyết số 115/NQ-CP của Chính phủ : Về việc thực hiện một số cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ tỉnh Ninh Thuận phát triển kinh tế - xã hội, ổn định sản xuất, đời sống nhân dân giai đoạn 2018 - 2023
23	Nhà máy thủy điện Phước Hòa	8,86		8,86			8,86	Xã Phước Hòa, Phước Bình	QĐ số 222/QĐ-UBND ngày 31/5/2019 của UBND tỉnh

STT	Hạng mục	Diện tích Kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm			Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú	
				Diện tích	Trong đó				
					Đất lúa	Đất rừng PH			Đất khác
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
24	Nhà máy điện mặt trời kết hợp nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Ninh Thuận Bác Ái 14	16,98		16,98			16,98	Xã Phước Trung	NQ số 19/NQ-HĐND của HDDND tỉnh Ninh Thuận ngày 23/3/2020
25	Điện mặt trời Bác Ái 5 (Dự án NM Trang trại điện mặt trời Phước Trung)	60,00		60,00			60,00	Xã Phước Trung	NQ số 07/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 13/5/2019; Văn bản số 23/2020/CV-PT ngày 24/11/2020 của công ty CP năng lượng Phước Trung
26	Điện mặt trời Bác Ái 11 (DA điện mặt trời kết hợp nông nghiệp, tổng diện tích 274 ha)	8,49		8,49			8,49	Xã Phước Trung	NQ số 19/NQ-HĐND của HDDND tỉnh Ninh Thuận ngày 23/3/2020
27	Điện mặt trời Bác Ái 14 (Công ty Cổ phần Tập đoàn Hà Đô)	16,98		16,98			16,98	Xã Phước Trung	NQ số 19/NQ-HĐND của HDDND tỉnh Ninh Thuận ngày 23/3/2020
28	Đường dây 220kv đấu nối nhà máy điện mặt trời Sunseap Links Sông Sắt	0,31		0,31			0,31	xã Phước Thành	NQ 17/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 23/3/2020 của UBND tỉnh
29	Đường dây 220kv đấu nối nhà máy điện mặt trời Sunseap Việt Nam	1,54		1,54			1,54	xã Phước Trung	NQ 17/NQ-HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 23/3/2020 của UBND tỉnh
30	Đất móng trụ và đường dây dẫn điện mặt trời Bác Ái 6	0,12		0,12			0,12	Xã Phước Trung	NQ số 07/NQ-HĐND ngày 13/5/2019 HĐND tỉnh; QĐ số 222/QĐ-UBND ngày 31/5/2019 của UBND tỉnh

STT	Hạng mục	Diện tích Kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm			Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú	
				Diện tích	Trong đó				
					Đất lúa	Đất rừng PH			Đất khác
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
31	Điện mặt trời ĐMT Bắc Ái 9 - Nhà máy điện mặt trời Sunseap Sông Sắt (200 ha - vùng bán ngập hồ Sông sắt)	200,00						Xã Phước Thành	NQ số 07/NQ-HĐND ngày 13/5/2019 HĐND tỉnh; QĐ số 222/QĐ-UBND ngày 31/5/2019 của UBND tỉnh; CV 4395 CV-TU ngày 08/10/2019 của tỉnh ủy Ninh Thuận về chủ trương khảo sát đầu tư dự án
32	Móng trụ đường dây Đường điện 220 KV Nha Trang - Tháp Chàm	0,26		0,26		0,26		Xã Phước Thành	Văn bản số 3794/UBND-KTN ngày 07/8/2014 của UBND tỉnh; QĐ số 3146/QĐ-BTC ngày 28/7/2016 của Bộ Công Thương về phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng
33	Nhà máy thủy điện Phước Hòa *	58,87		58,87		4,50	54,37	Xã Phước Hòa, Phước Bình	Đã được Bộ Công thương bổ sung quy hoạch thủy điện nhỏ toàn quốc trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận; Văn bản số 2712/UBND-KT ngày 29/6/2018 của UBND tỉnh

STT	Hạng mục	Diện tích Kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm			Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú	
				Diện tích	Trong đó				
					Đất lúa	Đất rừng PH			Đất khác
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
34	Cột thu lôi chống sét thôn Ma Oai (vị trí 1) *	0,01		0,01			0,01	xã Phước Thắng	Văn bản số 160/CCTL-PCTT v/v đăng ký bổ sung danh mục các công trình, dự án THĐ, CMD năm 2021 - 2025
35	Cột thu lôi chống sét thôn Ma Oai (vị trí 2) *	0,01		0,01			0,01	xã Phước Thắng	Văn bản số 160/CCTL-PCTT v/v đăng ký bổ sung danh mục các công trình, dự án THĐ, CMD năm 2021 - 2025
36	Cột thu lôi chống sét thôn Ma Ty (vị trí 1) *	0,01		0,01			0,01	xã Phước Tân	Văn bản số 160/CCTL-PCTT v/v đăng ký bổ sung danh mục các công trình, dự án THĐ, CMD năm 2021 - 2025
37	Cột thu lôi chống sét thôn Ma Ty (vị trí 2) *	0,01		0,01			0,01	xã Phước Tân	Văn bản số 160/CCTL-PCTT v/v đăng ký bổ sung danh mục các công trình, dự án THĐ, CMD năm 2021 - 2025
38	Cột thu lôi chống sét thôn Ma Hoa *	0,01		0,01			0,01	xã Phước Đại	Văn bản số 160/CCTL-PCTT v/v đăng ký bổ sung danh mục các công trình, dự án THĐ, CMD năm 2021 - 2025

STT	Hạng mục	Diện tích Kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm			Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú	
				Diện tích	Trong đó				
					Đất lúa	Đất rừng PH			Đất khác
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
39	Nhà máy điện mặt trời Bác Ái 3A *	25,00		25,00			25,00	xã Phước Thành	VB số 59/UBND-KT ngày 08/2/2018 của UBND tỉnh Ninh Thuận v/v chủ trương khảo sát, nghiên cứu đầu tư dự án Nhà máy điện mặt trời Bác Ái 3B
40	Nhà máy điện mặt trời Bác Ái 3B *	31,25		31,25			31,25	xã Phước Thành	VB số 581/UBND-KT ngày 08/2/2018 của UBND tỉnh Ninh Thuận v/v chủ trương khảo sát, nghiên cứu đầu tư dự án Nhà máy điện mặt trời Bác Ái 3B
41	Điện mặt trời Thiên Tân 2.1 *	67,00		67,00			67,00	xã Phước Trung	Văn bản 1098/UBND-KTTH ngày 08/3/2021 của UBND tỉnh Ninh Thuận v/v làm rõ cơ sở pháp lý liên quan tới các dự án điện mặt trời Thiên Tân 2.1, Thiên Tân 2.2
e	Đất bưu chính viễn thông	0,01		0,01			0,01		

STT	Hạng mục	Diện tích Kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm			Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú	
				Diện tích	Trong đó				
					Đất lúa	Đất rừng PH			Đất khác
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
42	Trạm BTS Viettel *	0,01		0,01			0,01	xã Phước Hòa	Văn bản số 2145/CV-NTN-KTHT của Viettel Ninh Thuận và VB số 875/STTTT-CN của Sở Thông tin - truyền thông về việc chấp thuận vị trí đặt trạm BTS Viettel
f	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	0,30		0,30			0,30		
43	Trụ sở kho bạc nhà nước Bắc Ái	0,30		0,30			0,30	xã Phước Đại	QĐ số 2360/QĐ-BTC ngày 28/10/2016 của Bộ tài chính về phê duyệt bổ sung, điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án xây dựng kho bạc nhà nước giai đoạn 2016 - 2020
44	Trụ sở Bảo hiểm xã hội huyện Bắc Ái *	0,02		0,02			0,02	xã Phước Đại	Văn bản số 314/BHXH-KHTC ngày 06/5/2021 của Bảo hiểm Xã hội Ninh Thuận.
g	Đất phi nông nghiệp khác	2,00		2,00			2,00		
45	Quỹ đất dự kiến thu hồi để di chuyển các công trình hạ tầng của địa phương khi xây dựng đường cao tốc Bắc Nam	2,00		2,00			2,00	xã Phước Trung	Nghị quyết số 34/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 16/12/2019
h	Đất ở nông thôn	18,95		18,95			18,95		

STT	Hạng mục	Diện tích Kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm				Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
				Diện tích	Trong đó				
					Đất lúa	Đất rừng PH	Đất khác		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
46	Khu trung tâm Làng thanh niên lập nghiệp Phước Đại *	18,95		18,95			18,95	xã Phước Đại	QĐ số 928/QĐ-UBND ngày 20/5/2021 của UBND tỉnh Ninh Thuận
1.2.1	Công trình, dự án giao đất, cho thuê đất	1.346,25		1.346,25			1.346,25		
47	Đất lâm nghiệp đưa ra ngoài lâm nghiệp giao về địa phương để lập kế hoạch sử dụng đất nhằm ổn định sản xuất cho người dân*. Trong đó:	1.346,25		1.346,25			1.346,25		
-	Xã Phước Bình	105,07		105,07			105,07		Quyết định 199/QĐ-UBND ngày 28/6/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kết quả quy hoạch 3 loại rừng tỉnh Ninh Thuận giai đoạn 2016 - 2025
-	Xã Phước Hòa	58,50		58,50			58,50		
-	Xã Phước Tân	358,96		358,96			358,96		
-	Xã Phước Tiến	417,44		417,44			417,44		
-	Xã Phước Đại	231,07		231,07			231,07		
-	Xã Phước Chính	101,89		101,89			101,89		
-	Xã Phước Thành	9,26		9,26			9,26		
-	Xã Phước Trung	64,06		64,06			64,06		
II	Công trình, dự án cấp huyện	233,97		233,97	10,85	14,45	208,67		

STT	Hạng mục	Diện tích Kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm			Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú	
				Diện tích	Trong đó				
					Đất lúa	Đất rừng PH			Đất khác
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
2.1	Công trình, dự án do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh chấp thuận mà phải thu hồi đất	31,97		31,97	0,03		31,94		
a	Đất giao thông	22,15		22,15	0,03		22,12		
1	Công trình Mở rộng đường vào Trung tâm huyện kết hợp với tôn tạo và phục dựng Đồn Tà Lú - Phước Đại	1,75		1,75			1,75	xã Phước Đại	CV 4304-CV/TU ngày 09/9/2019 của Tỉnh ủy Ninh Thuận về tổ chức kỷ niệm 60 năm ngày giải phóng huyện Bác Ái ; QĐ 1729/QĐ-UBND ngày 23/10/2019 của UBND huyện về việc phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình
2	Đường giao thông dọc kênh N6 khu sản xuất Chà Là	0,20		0,20	0,03		0,17	xã Phước Chính	NQ số 91a/NQ-HĐND ngày 19/7/2019 của HĐND huyện Bác Ái về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 2016-2020 NQ 35/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 16/12/2019

STT	Hạng mục	Diện tích Kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm			Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú	
				Diện tích	Trong đó				
					Đất lúa	Đất rừng PH			Đất khác
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
3	Xây dựng đường giao thông đi khu sản xuất Ma Dú - Ma Rớ - Đá Ba Cái *	3,00		3,00			3,00	Xã Phước Thành	Văn bản số 1331/UBND-KT ngày 13/8/2020 CV số 43/CV-UBND của UBND xã Phước Thành ngày 09/4/2021
4	Công trình đường đi khu sản xuất liên vùng Phước Chính-Phước Tiến *	13,20		13,20			13,20	xã Phước Chính, xã Phước Tiến	VB số 1920 của UBND huyện Bắc Ái ngày 30/11/2020
5	Hạ tầng khu dân cư (Khu vực thôn Mã Tiên)*	1,50		1,50			1,50	Xã Phước Tiến	QĐ số 748/QĐ-UBND ngày 18/5/2020 của UBND huyện Bắc Ái
6	Bến xe huyện Bắc Ái *	2,00		2,00			2,00	xã Phước Đại	
7	Đường khu sản xuất thôn Đá Trắng xã Phước Tân *	0,50		0,50			0,50	xã Phước Tân	
b	Đất thủy lợi	3,24		3,24			3,24		
8	Đường bao chống sạt lở khu vực thôn Bạc Rây 2, xã Phước Bình (Giai đoạn 2)	1,70		1,70			1,70	Xã Phước Bình	NQ số 104/NQ-HĐND ngày 09/7/2020 của HĐND huyện Bắc Ái
9	Đường đê bao chống sạt lở Sông sắt khu vực Tà Lú, xã Phước Đại	1,54		1,54			1,54	Xã Phước Đại	Quyết định 164/QĐ-UBND ngày 17/1/2017 của UBND huyện Bắc Ái NQ số 25/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Ninh Thuận ngày 17/7/2020
c	Đất cơ sở văn hóa	0,49							

STT	Hạng mục	Diện tích Kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm			Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú	
				Diện tích	Trong đó				
					Đất lúa	Đất rừng PH			Đất khác
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
				0,49			0,49		
10	Trung tâm văn hóa xã Phước Chính *	0,03		0,03			0,03	xã Phước Chính	Quyết định số 886/QĐ-UBND ngày 12/6/2020 của UBND huyện Bác Ái về việc giao kế hoạch vốn đầu tư phát triển CT MTQG xây dựng NTM năm 2020 (lần 3)
11	Xây dựng Trung tâm văn hóa, thể thao xã Phước Thành *	0,46		0,46			0,46	Xã Phước Thành	CV số 43/CV-UBND của UBND xã Phước Thành ngày 09/4/2021 về việc đăng ký danh mục công trình 2021
d	Đất cơ sở giáo dục và đào tạo	0,74		0,74			0,74		
12	Mở rộng trường MN Phước Bình *	0,17		0,17			0,17	Xã Phước Bình	Đầu tư công năm 2021
13	Mở rộng điểm chính trường MG Phước Thắng *	0,05		0,05			0,05	xã Phước Thắng	Đầu tư công năm 2021
14	Xây mới trường mầm non Tà Lú 2 *	0,22		0,22			0,22	xã Phước Đại	
15	Trường Tiểu học Phước Bình C *	0,30		0,30			0,30	xã Phước Bình	Đầu tư công năm 2021
e	Đất chợ	0,30		0,30			0,30		
16	Chợ Phước Trung	0,30		0,30			0,30	xã Phước Trung	
f	Đất xây dựng trụ sở tổ chức sự nghiệp	0,05		0,05			0,05		

STT	Hạng mục	Diện tích Kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm			Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú	
				Diện tích	Trong đó				
					Đất lúa	Đất rừng PH			Đất khác
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
17	Vị trí chốt chặn khoáng sản *	0,05		0,05			0,05	xã Phước Trung	
g	Đất nghĩa trang, nghĩa địa	5,00		5,00			5,00		
18	Nghĩa trang xã Phước Đại *	5,00		5,00			5,00	xã Phước Đại	
2.2	Đấu giá quyền sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất	172,60		172,60			172,60		
a	Đất nông nghiệp	123,97		123,97			123,97		
19	Cho thuê đất sản xuất nông nghiệp	25,00		25,00			25,00	Xã Phước Thắng	Kết luận số 4483/KL - UBND ngày 20/9/2012 của UBND tỉnh Ninh Thuận về quản lý và sử dụng đất trên địa bàn Bắc Ái
20	Giao đất sản xuất nông nghiệp	20,00		20,00			20,00	Xã Phước Thắng	Kết luận số 4483/KL - UBND ngày 20/9/2012 của UBND tỉnh Ninh Thuận về quản lý và sử dụng đất trên địa bàn Bắc Ái
21	Cho thuê đất bãi vật liệu cũ lòng hồ Tân Mỹ làm đất nông nghiệp khác *	1,58		1,58			1,58	xã Phước Tiến	Kêu gọi đầu tư
22	Cho thuê đất công ty TNHH Vila	77,39		77,39			77,39	Xã Phước Thắng	Công ty TNHH Vila
b	Đất ở nông thôn	46,43		46,43			46,43		

STT	Hạng mục	Diện tích Kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm			Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú	
				Diện tích	Trong đó				
					Đất lúa	Đất rừng PH			Đất khác
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
23	Bán đấu giá quyền sử dụng đất lô số 57 KDC mã Tiền *	0,05		0,05			0,05	xã Phước Tiến	CV số 582/CV-UBND của UBND huyện Bắc Ái ngày 30/3/2021 v/v triển khai thực hiện thủ tục bán đấu giá QSDĐ lô số 57 thôn Mã Tiền
24	Bán đấu giá quyền sử dụng đất tại khu quy hoạch trung tâm huyện (Khu E - 10 lô còn lại)	0,25		0,25			0,25	Xã Phước Đại	Văn bản 757 UBND-KT (H) ngày 12/6/2019 về cho chủ trương sử dụng quỹ đất sạch để giải quyết tiền lãi phát sinh do chậm bồi thường
25	Bán đấu giá quyền sử dụng đất khu vực thôn Mã Tiền (2 khu)	14,00		14,00			14,00	Xã Phước Tiến	NQ 34/NQ-HDND của HDND tỉnh ngày 16/12/2019
26	Giao đất ở (72 hộ) xã Phước Thắng *	3,90		3,90			3,90	Xã Phước Thắng	Thông báo số 306/TB-UBND của UBND huyện Bắc Ái ngày 12/9/2019
27	Giao đất khu TĐC thôn Tà Lọt, xã Phước Hòa *	27,48		27,48			27,48	xã Phước Hòa	QĐ số 239/QĐ-UBND của UBND huyện Bắc Ái ngày 19/2/2020 về việc phê duyệt quy hoạch phân lô chi tiết khu tái định cư thôn Tà Lọt, xã Phước Hòa

STT	Hạng mục	Diện tích Kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm			Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú	
				Diện tích	Trong đó				
					Đất lúa	Đất rừng PH			Đất khác
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
28	Bán đấu giá khu tập thể Phước Đại *	0,35		0,35			0,35	xã Phước Đại	Đề án tăng thu từ nguồn lực đất đai giai đoạn 2020-2025
29	Bán đấu giá quyền SDDĐ điểm trường MG thôn Mã Tiên *	0,18		0,18			0,18	xã Phước Tiến	Đề án tăng thu từ nguồn lực đất đai giai đoạn 2020-2025
30	Bán đấu giá quyền SDDĐ điểm trường tiểu học Phước Thắng (Ma Oai) *	0,22		0,22			0,22	xã Phước Thắng	Đề án tăng thu từ nguồn lực đất đai giai đoạn 2020-2025
c	Đất thương mại - dịch vụ	2,20		2,20			2,20		
31	Cho thuê đất bãi vật liệu cũ lòng hồ Tân Mỹ*	2,20		2,20			2,20	xã Phước Tiến	Đề án tăng thu từ nguồn lực đất đai giai đoạn 2020-2025
2.3	Khu vực cần chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện việc nhận chuyển nhượng, thuê quyền sử dụng đất, nhận góp vốn bằng quyền sử dụng đất	202,00		202,00	10,82	14,45	176,73		
a	Đất nông nghiệp khác	54,15		54,15	0,30		53,85		
1	Dự án trồng dưa lưới theo tiêu chuẩn VietGAP kết hợp trồng cây dược liệu	24,98		24,98			24,98	Xã Phước Tiến	Quyết định chủ trương 1345/QĐ-UBND (T) ngày 22/8/2019
2	Dự án sản xuất dưa lưới, dưa lê Dannygreen nông nghiệp công nghệ cao	22,29		22,29			22,29	Xã Phước Tiến	Quyết định chủ trương 1406/QĐ-UBND (T) ngày 03/9/2019

STT	Hạng mục	Diện tích Kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm			Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú	
				Diện tích	Trong đó				
					Đất lúa	Đất rừng PH			Đất khác
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
3	Trồng cây ăn quả ứng dụng công nghệ cao *	6,58		6,58			6,58	Xã Phước Tân	Quyết định chủ trương 4560/QĐ-UBND của UBND tỉnh Ninh Thuận ngày 18/12/2020
4	Sân phơi xã Phước Trung *	0,30		0,30	0,30			xã Phước Trung	
5	Trang trại chăn nuôi heo khép kín CNC kết hợp trồng cây ăn quả công nghệ tưới Isarel và sản xuất phân hữu cơ *	69,35		69,35			69,35	xã Phước Thắng	Văn bản số 214/EDO-ĐT ngày 12/5/2021 của Sở KH-ĐT
b	Đất thương mại - dịch vụ	2,27		2,27			2,27		
6	Cửa hàng xăng dầu xã Phước Hòa	0,17		0,17			0,17	Xã Phước Hòa	Kêu gọi đầu tư
7	Cửa hàng xăng dầu xã Phước Tiến	0,17		0,17			0,17	xã Phước Tiến	Kêu gọi đầu tư
8	Trạm trung chuyển gia súc, gia cầm *	1,93		1,93			1,93	xã Phước Thành	Kêu gọi đầu tư
c	Đất cơ sở sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp	36,38		36,38			36,38		
9	Nhà máy gạch Thông Thuận Bác Ái	18,60		18,60			18,60	xã Phước Thành	QĐ 318/QĐ-UBND (T) ngày 25/9/2017 của UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư và văn bản số 4796/UBND-KTN ngày 02/2/2015 đồng ý chủ trương cấp phép thăm dò khai thác khoáng sản sét gạch

STT	Hạng mục	Diện tích Kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm				Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú
				Diện tích	Trong đó				
					Đất lúa	Đất rừng PH	Đất khác		
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
									ngói
10	Nhà máy gạch không nung Bác Ái *	3,20		3,20			3,20	xã Phước Đại	
11	Cụm tiểu thủ công nghiệp Phước Đại (khu bãi vật liệu) *	10,00		10,00			10,00	xã Phước Đại	Kêu gọi đầu tư
12	Nhà máy đá xây dựng núi Tà Liên *	2,23		2,23			2,23	xã Phước Đại	Văn bản số 549/UBND-KT v/v xác định nhu cầu VLXD phục vụ dự án tuyến đường bộ cao tốc qua tỉnh Ninh Thuận
13	Nhà xưởng chế biến đá granite núi Tà Năng *	2,35		2,35			2,35	xã Phước Đại, xã Phước Chính	Văn bản số 1045/UBND-KTTH ngày 04/3/2021 của UBND tỉnh Ninh Thuận v/v dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác đá granite tảng lặn làm đá ốp lát và dự án Nhà xưởng chế biến đá granite

STT	Hạng mục	Diện tích Kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm			Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú	
				Diện tích	Trong đó				
					Đất lúa	Đất rừng PH			Đất khác
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
d	Đất khai thác vật liệu xây dựng, gồm sỏi	97,48		97,48	10,52	14,45	72,51		
14	Khai thác đất san lấp (30 ha)	30,00		30,00			30,00	Xã Phước Trung	
15	Khai thác khoáng sét để sản xuất gạch ngói	13,00		13,00	10,52		2,48	xã Phước Chính	QĐ 318/QĐ-UBND (T) ngày 25/9/2017 của UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư và văn bản số 4796/UBND-KTN ngày 02/2/2015 đồng ý chủ trương cấp phép thăm dò khai thác khoáng sản sét gạch ngói
16	Khai thác đá xây dựng núi Tà Liên*	2,66		2,66		2,66		xã Phước Đại	Văn bản số 549/UBND-KT v/v xác định nhu cầu VLXD phục vụ dự án tuyến đường bộ cao tốc qua tỉnh Ninh Thuận
17	Khai thác đá granite tảng lăn làm đá ốp lát khu vực núi Tà Năng *	14,22		14,22		11,79	2,43	xã Phước Đại, xã Phước Chính	Văn bản số 1045/UBND-KTTH ngày 04/3/2021 của UBND tỉnh Ninh Thuận v/v dự án đầu tư xây dựng công trình khai thác đá granite tảng lăn làm đá ốp lát và dự án Nhà xưởng chế biến đá granite

STT	Hạng mục	Diện tích Kế hoạch	Diện tích hiện trạng	Tăng thêm			Địa điểm (đến cấp xã)	Ghi chú	
				Diện tích	Trong đó				
					Đất lúa	Đất rừng PH			Đất khác
(1)	(2)	(3)=(4)+(5)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
18	Mỏ vật liệu đất san lấp xã Phước Trung*	37,60		37,60			37,60	Xã Phước Trung	Văn bản số 549/UBND-KT v/v xác định nhu cầu VLXD phục vụ dự án tuyến đường bộ cao tốc qua tỉnh Ninh Thuận
19	Chuyển mục đích sử dụng sang đất ở các xã*	11,72		11,72			11,72		

Ghi chú: (*) : Công trình đăng ký mới